

đọc thơ Tô Thùy Yên



Edvard Munch

**Tô Thùy Yên-Tôi giựt giành đồ máu với tôi
Từng chữ một.**

Tôi đọc truyện ngắn của Tô Thùy Yên khi còn đâu ở trung học, những năm sáu mươi. Lớp mấy cũng chẳng nhớ. Truyện có tựa gì cũng đã quên luôn. Cái điều chưa quên là lúc đó, cuộc chiến tranh khốn nạn do những người cộng sản phát động chỉ mới vừa manh nha dù đã âm ỉ từ lâu ở Mạc Tư Khoa, Bắc Kinh ... Nay có tin một ông xã trưởng ở làng xa đêm qua vừa bị ám sát. Mai báo đăng quốc lộ số 4 bị đắp mô đâu ở khoảng Cai lậy, Cái bè. Mốt nghe tin một đồn dân vệ ven biên vừa bị mấy tên du kích vác oanh-tầm-xào bắn phá lốc chốc mấy phát rồi bỏ chạy. Còn nhớ chắc thêm một điều, truyện được đăng trên tạp chí Hiện Đại của Nguyên Sa, vừa bỏ Paris với khói sóng sông Seine trở về Sài-gòn, đem hương thơ và hơi văn mới thổi phà vào sinh hoạt văn học của miền Nam thuở đó. Mười mấy tuổi chớ gì. Cái tuổi ăn chưa no lo chưa tới. Vậy mà ngay lúc đó, truyện đã néo vào cái bộ não non xèo của tôi một cái néo đau nhói. Rồi nhớ hoài.

Đâu như là ...

... trên một chuyến xe đò liên tỉnh miền đông chạy xuyên qua những cánh rừng lá im ỉm, hành khách bị nhốt kín trong lòng chiếc xe ọp ẹp hẳn không có chuyện gì làm ngoài chuyện ngủ gà ngủ gật vì tiếng máy chạy rì rì (hoặc là vì chuyến xe

đi quá sớm hay về quá trễ ?), có thể cộng thêm một nỗi lo lắng vu vơ nào đó ... thì bị một đám du kích nhào ra chặn lại xét hỏi để hoạch họa tuyên truyền. Hành khách nam nữ lão ấu gái trai già trẻ lớn bé gì cũng bị lôi tuốt xuống xe, sắp thành hàng lối, để cho quý-vị-núp-trong-quần-chúng ... lộ mặt ra xắn quần, xắn áo, lộn dao găm hay xách mã tấu hoặc dậm thêm vài khẩu súng xưa mốc thếch vốn đã được chôn giấu ngay từ khi có lệnh tập kết ... điểm mặt xem tên. Rồi, y như ba đời đã là cán-bộ-chính-trị-viên-có-ba-tăng dậm dẫn lên lớp để dọ dẫm dũa dầy vò ... thả dàn cái đám con dân hiền lành ngu ngơ, gồng gánh đi buôn hàng bán lẻ kiếm ăn hay đi thăm bà con chòm xóm. Kiểm soát như vậy nghĩa là ai nấy phải xuất trình tấm thẻ căn cước. À, tấm thẻ căn cước ! Thuở đó, người ta từ mười tám tuổi trở lên, bất kể nam nữ, ai nấy đều lặn trong người một tấm thẻ căn cước, ghi rõ tên tuổi, năm sinh tháng đẻ, số nhà, nghề nghiệp ... như một minh chứng cho sự có mặt hợp pháp của mình trong một đất nước mới được yên ổn mấy năm đang rục rịch ... trở lại bất ổn. Chính phủ hợp pháp đòi như vậy. Mà cái đám làm loạn với súng ống và dao găm lăm lăm trong tay cũng đòi hỏi như vậy. Dĩ nhiên với hai mục đích khác nhau. Nếu đối với phía thứ nhất, tấm căn cước là một bảo đảm cho sự lương thiện và tin cậy của người cầm thẻ, thì đối với phía đối nghịch, miếng giấy cứng có bọc nhựa đó có thể sẽ là bản cáo trạng hùng hồn để họ hùng hổ lôi đương sự vào rừng, vào bưng hoặc để giam giữ hoặc để đâm, chém, bắn giết hay bỏ vô bao bố thả trôi sông, tùy ý. Ở thời buổi đó, tấm thẻ căn cước quan trọng sinh tử đến vậy.

Và cũng vì vậy, để bảo đảm an ninh cho những người làm việc dưới quyền mình, chính quyền thuở đó còn cấp thêm cho họ một loại thẻ căn cước thứ hai, thẻ căn cước dân sự. Nhất là đối với những người phục vụ đất nước trong những phạm vi liên quan đến hành chính và quân sự. Tấm thẻ căn cước dân sự đó như một chiếc mộc che đờ cho họ những nguy hiểm chực chờ như buổi sáng hôm đó hay buổi chiều hôm đó ...

Và như vậy, truyện kể ...

Đám hành khách khốn khổ đó bị lừa xuống xe, xếp hàng ... để chờ khám xét. Mọi người nhón nháo. Lo lắng. Bồn chồn. Mỗi người một bộ mặt, một con tim, một bộ quần áo, một gia đình cha mẹ vợ con anh chị em, một người tình ... mỗi người một thân phận, một hoàn cảnh, một đấn đo ... và ... một tấm thẻ căn cước. Nhưng chắc chắn chỉ có duy nhất một nỗi lo. Lọt vào tay cái đám sát nhân giả dạng người yêu nước.

Truyện kể tiếp ...

Vậy rồi từng người một bị xét hỏi, từng người một phải trình ra tấm thẻ căn cước, với hình ảnh, tên tuổi, ngày sinh, tháng đẻ, nghề nghiệp ... dưới những mũi súng hung hăng đang chia vào họ và chực chờ lấy cò. Người thứ nhất, người thứ hai, người thứ ba ... Mọi việc diễn ra suông sẻ. Không có ai là nguy quân nguy quyền, ác ôn ba đầu sáu tay, không có ai là tay-sai-mỹ-ngụy. Từ cụ ông đến người trai trẻ. Từ con gái đến đàn bà. Ai nấy đều không có tội-tổ-tông. Mẻ lưới tung ra như lọt vào chỗ không. Lúc đó, mặt trời đang mọc hay mặt trời đang lặn, thú thật, loay hoay qua cái chằng chịt của mớ trí nhớ rồi mù, tôi không chắc, nhưng hề chi, mặt trời mọc hay mặt trời lặn, bởi vì rạng đông hay tà dương, thì những tia sáng chói lòa đó vẫn bung ra từ một cõi mênh mông, vượt khỏi cõi người trần thế.

Vâng, ngay lúc đó, khi những tia sáng đầu tiên - hay cuối cùng - của mặt trời vừa hắt lên thì bỗng một tiếng hét vượt ra khỏi cửa miệng của tên trưởng toán gian hiểm. Nghiêm. Một tiếng hô “ngghiêm” bỗng dội ngược vào tai đám đông đang còn đứng lổ nhổ như một bầy tử tội khi không rồi được ân xá. Ngay bon lúc đó, hay một tích tắc sau đó, có tiếng đôi giầy da của ai đó chập vào nhau, sắc và gọn. Như tiếng giầy saut chập vào nhau khi ... người lính nghe quân lệnh của thượng cấp. Cái thể đứng ngghiêm, hai tay buông thõng ép sát vào thân, hai chân chập lại, mặt ngẩng lên, cầm gương thẳng ... vừa như tuân thủ mà vừa như biểu lộ một sự tự chủ tuyệt đối. Cái thể “ngghiêm” trong bài thao diễn cơ bản mà người lính đã học và tập bao nhiêu lần từ khi khoác vào đời trai bộ quân phục. “Nghĩ “. “Ngghiêm“. Ôi cái huân lệnh nghe đi nghe lại đến nhập tâm. Và trở thành cái phản xạ của bất cứ một người trai nào đã mang nghiệp lính vào thân.

Vâng, buổi sáng đó -hay buổi chiều đó -, bên bìa một khu rừng hiểm hóc, một người trai miền Nam, một người lính miền Nam, trên chuyến xe về phép, thăm cha thăm mẹ, hẹn hò người yêu ... , người lính trẻ mặc bộ đồ dân sự, cầm tấm thẻ căn cước dân sự ... đã đối mặt với định mạng, trực diện, rồi ngang nhiên chấp nhận cái số phận như một chọn lựa của ý thức, đánh đu tính mạng mình lên sợi giây sinh tử. Trong cái giây phút bất ngờ, bất chợt, bất định đó ... anh đã sống đúng phốc cái bản chất của người lính với tất cả vinh quang và tủi nhục của nó, với mọi bất trắc của một người con trai đi gánh vác chuyện nước non. Và ... chuyện phải đến đã đến. Toán du kích hí hửng như bắt được vàng, chia súng xúm lại ...

Mấy chục năm đã qua, làm sao tôi còn nhớ được lời văn, câu chữ ... Vậy mà tôi vẫn nhớ, cái tình huống mà tác giả đã dựng lên khi người con trai bị bắt trói bởi đám người cuồng tính. Lạnh như tiền. Vững như đồng. Khi đã biết chắc số phận mình, nhân vật chính, người con trai, người lính trẻ vẫn ngẩng cao mặt, thân thẳng, vai ngang, mắt quắc ... Ngay lúc đó, chính lúc đó, mặt trời, chính mặt trời với chùm sáng ngạo nghễ hắt lên mặt anh vừng hào quang lóng lánh nhất. Tôi nhớ, ngay lúc đó, tôi đã rung mình. Ngay lúc đó hình ảnh con chó sói của Alfred de Vigny bỗng chồm lên trong trí. (*) Người thanh niên, dáng thẳng, mặt lạnh, lời câm. Cái hình ảnh mà tác giả dựng lên khốc liệt đến làm há hốc miệng mà không kêu ra lời.

Mãi nhiều năm sau, tôi mới tìm ra được chữ để gọi cái giây phút kết thúc đó. Bi tráng. Quả tình bi tráng. Bi đất một cách hùng tráng. Có mâu thuẫn không. Không. Đó là một bi kịch với một kết thúc táo bạo đến rung mình. Và đẹp lắm liệt như một thần thoại Hy Lạp.

Vậy rồi, đến chừng lên đại học, lại được đọc thêm thơ của ông. Những bài thơ tự do, thơ năm chữ, bảy chữ ... Chữ nghĩa vạm vỡ. Ẩn dụ minh mông. Hình tượng lẫm liệt. Đọc xong cứ như vừa chạy băng đồng. Thở dốc. Hụt hơi ... Mà rồi lại muốn bắt đầu một cuộc băng đồng mới. Đọc rồi như có điều gì muốn nói. Mà rồi lại ngậm câm. Chữ của ông như tấm thuốc mê. Đọc xong rồi ú ớ. Có điều mãi mãi tôi vẫn muốn viết về thơ của ông. Thơ Tô Thùy Yên. Mà viết về cái gì. Chữ Nghĩa của ông ? Thứ chữ nghĩa tự nó đã biện minh cho sự hiện hữu phi thường

của nó. Mỗi chữ đã là một giá trị tự thân. Tự nó. Chính nó. Nói gì thêm cũng chỉ là phù phiếm. Ý tưởng của ông ? Thứ ý tưởng lòng lộng như mây giông đầu hạ, giậm giựt bao nhiêu là sấm sét chỉ chờ dịp cựa mình. Như vậy thì viết làm sao cho ráo, bắt làm sao cho kịp những tia chớp, nháng lên từ những liên tưởng xảo diệu và ẩn mật đến sững sờ. Vậy mà sao tôi lại đại dột loay hoay hoài với những bài thơ, những câu thơ, những vần những điệu, những chữ mà ý nghĩa của từng chữ từng câu cứ chực trào ra khỏi cái khuôn đang cầm giữ nó. Câu hỏi cứ lẫn quẩn trong cái đầu rối mịt của tôi. Đã lâu, lâu lắm ! Rồi bây giờ, mấy mươi năm sau. Sao vẫn cứ ý nguyên cái thắc thỏm như chính mình đã để lỡ một hẹn thề.

Từ những năm 60, 70, 80, 90 ... của thế kỷ trước, rồi vụt sang thế kỷ khác, những năm 2000, khi thân xác đã có chừng mệt mỏi mà trí óc thì vẫn lùng bùng y nguyên thời còn trẻ, mỗi khi đọc lại thơ ông.

Thi sĩ Bắc Nam đều chết rạp Ba trăm năm lịch sử làm thình

Đủ chưa, hai câu thơ đó. Hai câu thơ đọc lúc trai trẻ đã muốn rùng mình. Bây giờ, vài mươi năm sau, đọc lại vẫn nguyên cái cảm giác choáng ngợp của Trần Tử Ngang khi leo lên chót đỉnh U Châu đài mà ngẫm nghĩ chuyện nhân sinh. Niệm thiên địa chi du du. Độc thương nhiên nhi lệ hạ. Thi sĩ có phải là bậc tiên tri thấu thị. Thơ làm từ năm 72. Vậy sao đọc lên lại thêm cái cảm giác hãi hùng khi nghĩ tới bước chân của lịch sử đã và đang dẫm lên số phận của người Việt, nhất là từ khi người cộng sản dẫm đạp bằng những bước chân thô bạo lên cái dòng sinh mệnh của dân tộc. Hai câu thơ, 14 chữ, gọn bâng mà sao nghe rồn rảng tiếng tri chiết rửa xả, lời đay nghiến, giọng kêu thương của lớp lớp biển dâu, của trùng trùng oan khuất, của núi xương vô định, của mồ mã vô danh ...

Làm thình. Chữ nôm na mà nghĩa trầm thống. Chữ tĩnh mà nghĩa động thốn tâm. Thử đọc lên hai chữ **làm thình**, làm thình là làm thình, là ngậm miệng, là nuốt tiếng ... nhưng sao như nghe vọng lại từ đó bao nhiêu tiếng kêu gào rên siết, tắt nghẹn trong cổ họng ... của đám dân đen mỗi lần thay ngôi đổi chúa, của sông Gianh cắt lìa ruột thịt, của Bến Hải nước tẻ hai dòng, của đường 13 pháo chum pháo chụp, của đường số 1 con bú xác mẹ, của đảo Ko Kra trinh tiết dập vùi, ... của từng đám tù nhân không-danh-số lê lét qua những trại giam ngục trá. Lịch sử làm thình hay chính lòng người ngoảnh mặt làm ngơ, bịt tai bịt mắt trước những lộng hành của cái ác. Từ khi nào thơ không còn là hoa trái của cuộc đời và người làm thơ bị coi là đồ thừa thải, bị giam cầm hay bắn giết, mặt đất này chỉ còn là sa mạc, thứ sa mạc làm khô khốc lòng người. Rồi ra, thơ chỉ còn là tiếng dội của vô vọng, là lời của vô ngôn, là mặt thật của vô cùng để lần cuối **biểu dương cùng tận cái vinh dự làm than của kiếp người ...**

Vinh dự làm than của kiếp người ?

Cái nghĩa nghịch lý của câu thơ đã đủ để biểu lộ cho con-mắt-trông-thấu-cả-sáu-cõi-tám-lòng-nghĩ-suốt-cả-ngành-đời (***) của **bạc-vương-tôn-miền-trí-tuệ** chưa ! Lời thơ như sóng cuộn ì ầm mà dội lại tiếng vô thanh, vô thanh của vô cùng vô tận, như vẽ ra rồi lại xóa đi từng bức tranh vân cầu, như mở ra rồi đóng lại cái vòng lẫn quẩn loay hoay của cuộc lữ miên trường. Mỗi câu thơ là một vấn nạn. Nhưng ... Thiên hà ngôn tai . Trời đất có nói gì đâu .

Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai ?!

Rồi tất cả sẽ nguôi ngoai ...

Đã có lúc, làm thơ như dấn thân vào một cuộc đuổi bắt với vô vọng ... Mọi thắc mắc siêu hình vốn dĩ là cách thức ngạo mạn của kẻ chơi đùa với chữ nghĩa. Nhưng khác với lối đua đòi làm dáng, Tô Thùy Yên đã xua thơ mình chạy mút tới tận cùng để giáp mặt cái Cùng Tận đó, cái Vô Hạn đó, cái Hư Không ! Thơ sung mãn như cái hùng tâm truy lùng chân lý. Và vì vậy, ông đã gặp, tôi tin vậy. Bạn có nghe, này bạn có nghe. Vũ trụ miên man chuyển động đều. Chim đã bay quanh từ vạn cổ. Gió thật xưa, mây thật già nua. Nên với một đời, bao biến đổi. Mà trong vô hạn có gì đâu. Bài thơ, những bài thơ làm trong giai đoạn này không ghi ngày tháng –mà thật sự có cần ghi ngày tháng không. Cái điều rõ ràng là người làm thơ chưa già mà thơ đã cổ, cổ như cả cái vũ trụ vô sở vô trú, cả cái dòng thời gian vô thủy vô chung, trùng trùng, điệp điệp ... Và tôi hiểu tại sao Trần Tử Ngang chảy nước mắt, tại sao Tô Thùy Yên sau khi đã mòn gót chân sương nắng tháng năm đã có lúc cũng phát phơ chéo áo đường thiên cổ, nước mắt hồng tuôn đến đá mòn.

Rồi sao nữa ? Rồi là ... đáo bĩ ngạn !

Từ đó là thái độ tri kỷ tri bỉ, biết điều như mọi kẻ biết-điều nhất trần gian. Vạn vật giai bị ư ngã, phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên. Hề, ta trở lại gian nhà cỏ. ... Ở đây ta có dăm người bạn. Phúc tự tâm, không lý đến đời. Ở đây ta có dăm pho sách. Và một dòng sông, mấy cụm mây. Hạnh phúc ở đâu mà lặn lội dang thân. Hạnh phúc trần gian ở đâu hay ở chính lòng ta đó. Dòng sông u hiển trôi vô lượng. Dòng sông hiền triết chảy vô tâm. Mà ta ngưỡng vọng như sự phụ. Mà ta thân thiết tựa tri âm ... Quên quên, nhớ nhớ tiền sinh kiếp. Thiên cổ mang mang thế sự nhòa. Trận lốc cười tròn trên quá vãng. Ta làm lại cả tâm hồn ta ... Ở vậy thì còn tiếc gì mà không về ...

Tường tượng ta về nơi bản trạch ! Còn gì vui bằng khi mọi điên đảo của thế sự quanh quanh không còn đảo điên giữa lòng ta. Đó có phải là quê-nhà của mọi gã đấng tử sau cuộc tuần du bất tận. Với khám phá diệu kỳ : rồi tất cả sẽ nguôi ngoai

Rồi tất cả sẽ nguôi ngoai !

Nhưng rồi có thật sự tất cả sẽ nguôi ngoai hay vẫn bất tận nổi đời hung hãn đó như chính ông đã mừng tượng, một ngày.

Những năm 70, chiến tranh bùng lên dữ dội. Súng đạn hung hăng, lòng người hung bạo. Qua sông. Đò nghẹn đoàn quân xa tiếp viện. Mưa lâu, trời mốc, buồn hôi xưa. Con đường đáo nhậm xa như nhớ

Xa như nhớ. Trời ơi làm sao đo được cái khoảng cách ở hai đầu một nỗi nhớ mơ hồ. Xa như nhớ. Hoán dụ đến nỗi không còn tính được bằng cây số bởi dặm trường có ở đâu xa. Dặm trường ở ngay chính lòng ta đó. Tuyệt.

Bộ mặt chiến tranh được vẽ ra bằng đường nét tự tại. Không lớn lối cũng chẳng e dè. Không thêm không bớt. Mà nghe ra như đã sấu đâu từ thiên cổ hận... Nao nao mừng tượng bóng mình. Mịt mùng cõi tới, u minh tiếng rền. Xuống đò, đời đã bỏ quên. Một sông nước lớn trào lên mắt người.

Dĩ nhiên giấy bút làm sao tả cho hết cái bi kịch mà mỗi vai trò chỉ thoáng hiện thoáng mất như những chiếc bóng vật vờ, nhân vật chỉ còn là cái cớ. Diễn trường chính yếu là cái khoảng không còn lại, cái khoảng trống không sau khi vai diễn đã biến mất, mọi tiếng động đã bật im. Cái còn lại là cái không-còn-gì, không-có-gì. Cái còn lại sau những cuộc tranh giành, dù thắng dù thua, cái còn lại chính là cái im ỉm của thiên địa trơ trơ, của thánh thần lánh mặt, của mắt còn còn mất chỉ là hai mặt sấp ngửa của đồng tiền quay tít rồi ... bật ngửa ra, bất kể. **Em chạy tìm anh ngoài cõi gió. Lừa oan khóc giỡn cười ghê hồn. Tiếng kêu đá lở long thiên cổ. Cát loạn muôn trùng xóa dấu chôn**

Trên bối cảnh của một cuộc vật lộn giữa tử sinh không hồi ngưng nghỉ, thơ như một cầu cơ giấy bút. Điều gì khiến ông làm Trường Sa Hành. Trường Sa hay Hoàng Sa ? Ai biết ! Đọc thử hết trọn một bài của Tô Thùy Yên để thấy cái điên đảo của chữ nghĩa, cái lờng lợng của ý tưởng ...

Trường Sa Hành

Toujours il y eut cette clameur,
Toujours il y eut cette fureur...
Saint-John Perse

Trường Sa ! Trường Sa ! Đảo chuyển choáng

Thăm thẳm sâu vẫy trắng bốn bề
Lính thú mười người lạ sóng nước
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi

Mùa Đông Bắc, gió miên man thổi
Khiến cả lòng ta cũng rách tựa
Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh Lớn
Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngờ

Đảo hoang, vắng cả hồn ma quý
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh
Lên xác thân người mãi đứng yên

Bốn trăm hải lý nhớ không tới
Ta khóc cười như tự bạo hành
Đập giận, vác khòm lưng nhẩn nhục
Đường thân thể lở, cổ đi nhanh

Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế
Hữu hạn nào không tủi nhỏ nhoi ?
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời

Mùa gió xoay chiều, gió khốc liệt
Bãi Đông lở mát, bãi Tây bồi
Đám cây bật gốc chờ tan xác,
Có hỏi ra đời chẳng chọn nơi ?

Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng
Nhưng cụm rong óng ả bập bênh
Như những tầng buồn lay động mãi
Dưới hồn ta tịch mịch long lanh

Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
Vàng khói chim đen thàng thốt quần
Kinh động đất trời như cháy đảo
Ta nghe chừng phông khắp châu thân

Ta ngồi bên đồng lúa man rợ
Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi
Nghe cây dừa ngát gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nổi tả tơi

Chú em hãy hát, hát thật lớn
Những điệu vui, bất kể điệu nào
Cho ấm bữa cơm chiều viễn xứ
Cho mái đầu ta chớ cúi sâu.

Ai hét trong lòng ta mỗi lúc
Như người bị bức tử canh khuya
Xé toang từng mảng đời tê điếng
Mà gửi cùng mây, đồ thảm thê.

Ta nói với từng tinh tú một
Hàng đêm tất cả chuyện trong lòng
Bãi lặn tinh thức âm u sáng.
Ta thấy đầu ta cũng sáng trưng

Đất liền, ta gọi, nghe ta không ?
Đập hoảng vô biên, tín hiệu trùng
Mờ, mờ giùm ta khoảng cách đặc
Con chim động giấc gào cô đơn

Ngày. Ngày trắng chói chang như giữa
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên
Mái tóc sâu nung từng sợi đỏ
Kêu dòn như tiếng nứt hoa niên

Ôi lũ cây gầy ven bãi sụp
Rễ bung còn gượng cuộc tồn sinh
Gắng tươi cho đến ngày trôi ngã
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh

San hô mọc tua thêm cành nhánh
Những nỗi niềm kia cũng mẫn khai
Thời gian kết đá mốc u tịch
Ta lấy làm bia tường niệm Người

Đọc lên thành tiếng. Trường Sa ! Trường Sa ! Đảo chước choáng. Thăm thẳm sàu vây trắng bốn bề ... Mùa Đông Bắc, gió miên man thổi. Khiến cả lòng ta cũng rách tưa. Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh lớn. Mà Hiu Quạnh lớn vẫn làm ngờ ...

Tôi sẽ nói gì thêm. Đã hỏi rồi. Đã nói rồi. Hiu Quạnh Lớn có nói gì đâu. Thiên địa bắt nhân dĩ vạn vật như sô cầu. Trời đất bắt nhân coi vạn vật như chó rơm. Đã vậy thì còn gì để nói thêm ?

Còn. Còn rất nhiều điều để kể.

Đầu tiên ta kể về im lặng

Mà ý chừng kể để Hư Không nghe

Hư không, hư không có nghe không ? Có nghe Mùa hạn rên siết. Ở đây địa ngục chín tầng sâu. Cả giống nòi cầm lạng gục đầu. Cấn chết hàm răng, ứa máu mắt. Chung xiềng nhưng chẳng dám nhìn nhau. Không nhìn nhau nhưng không phải không có gì để nói với nhau. Hay lắm khi im lặng còn nói được triệu lần hơn điều được nói.

Thơ Tô Thùy Yên có triệu điều để nói. Tuy nhiên giọt nước mắt ứa ra ít mặn hơn giọt nước mắt nuốt ngược vào lòng.

Thơ Tô Thùy Yên đọc thầm hay đọc ra rả cho át tiếng sóng vỗ ngoài biển lớn đều như nhau. Cả hai cách đều dội ngược vào người đến nghe đau mềm phé phủ.

Thơ của ông như vậy là như vậy. Y như Hiu Quạnh Lớn. Còn nói nổi gì. Còn viết thêm chi. Có làm rộn tai. Có làm xốn mắt. Mà sao vẫn cứng đầu cứng cổ mà run tay muốn nhấc muốn nói muốn viết. Mà viết cái chi. Khi mọi sự đã an bày. Hiu Quạnh Lớn có nói gì đâu. Có gì để nói đâu. Hay tại lớn đến choáng ngợp nên làm miệng ú ớ, tay cứng, chữ cùn ... Hay nói đại, nói bất kể, thơ Tô Thùy Yên ... Nói về chuyến **Tàu đêm** chở tù chạy như một cơn giông lửa rờn rã từ Nam ra Bắc, qua trùng trùng oan khuất. **Tàu đi như một cơn điên đảo. Sắt thép kinh hoàng va đập nhau. Ta tưởng chừng nghe thời đại động. Xô đi ầm ì một cơn đau ...** Con tàu chạy ngược, suốt con đường sắt xuyên Việt như trở ngược giòng lịch sử, từ văn minh trở lại man rợ, từ yêu thương trở lại thù hận, từ khoan dung trở lại hẹp hòi, từ chân thành trở lại gian trá.

Muốn nín nhưng đọc thơ lòng như lửa đốt. Có gì cháy âm ỉ giữa lòng ta. Có gì cháy hừng hực giữa đầu ta. Lửa bắt từ xác chữ dị thường, cháy lan theo đường gân số thịt, nung đốt ý tưởng rồi làm tro than mọi ý tưởng. Vậy mà vẫn níu chữ chạy theo trời chết, để được tới nơi, cùng lúc với ông. Bởi vậy vẫn viết cho có xác mà rồi cũng chẳng biết sẽ tới đâu. Vẫn muốn viết về thơ ông như lúc còn tưởng tay vói tới trời. Đến lúc biết trời cao tay không vói tới mà cứ vẫn loay hoay điều bất khả. Viết thêm. Viết thêm nữa. Điều bất khả. Làm sao, làm sao nói hết được cái hạo khí hừng hực bốc lên từ chữ nghĩa ông.

Cho nên ...

- Giảng ! Bình ! Phê ! Luận ! Tán !
- Nhảm !!!!

Khổ nổi ! Ý bốc lửa. Chữ cuồng cuồng. Những trang giấy trắng. Trắng minh mông. Trắng lạnh ngắt mà lại kêu đòi. Viết về thơ Tô Thùy Yên có phải là vẽ cái vòng tròn mà điểm cuối không bao giờ nối lại được điểm khởi đầu. Viết về thơ Tô Thùy Yên có phải là tả cái minh mông không cột mốc, không điểm tới cũng chẳng có điểm dừng. Cái dập dềnh của sóng, của gió, của mây, của nước mà mọi hình thù bị phá vỡ từ mỗi sát sa. Có phải là tung tóe theo cơn nỗ hồng hoang. Hay là ngộp chìm theo cơn hồng thủy. **Cái chết truân rên giờ nguyệt tận. Máu**

bung từ mỗi lỗ chân lông... Như tên phù thủy già điên loạn. Lịch sử lên cơn dữ bất thường. Viết về thơ Tô Thùy Yên có phải là vẽ rắn thêm chân khi rắn đâu có chân mà vẫn bò vun vút, là châm nước thêm vào lòng biển lớn, là vùi thêm củi vào miệng hỏa diệm sơn. **Người mẹ trẻ buồn đôi mắt trũng. Thân gầy nhom, tóc cháy, da cằn. Địu con, một dúm thịt nhẵn nhúm. Ra ruộng khê tim mót cái ăn.** Còn nói được gì thêm về tội ác ngút trời của loại hà-chính-mãnh-ư-hổ đã và đang cắn xé mảnh đất vốn đã gầy còm ở bên kia biển lớn. Thơ của ông dữ dội lắm. Thơ của ông là bản cáo trạng không lời buộc tội dù được viết bằng máu và nước mắt chảy ngược của chính bản thân, thay mặt cho cả một thành phần dân tộc bị án tử oan tình. Vì mỗi hình ảnh ông kê ra đã là một bản án tự thân cho đám sát nhân tội đồ của nhân loại. Thơ ông là một bản J'accuse của Émile Zola để đòi lại sự thật cho sự thật. Đọc thơ ông, sống lại ngày dài trong trại-lán-cải-tạo, trong hầm kiên giam, dưới chòi canh hầm hừ, giữa lon cơm mốc thối, trên bàn tay trần bụi đất, hay quần đôi vai kéo cày thay trâu, trong mảnh vải bố nát che thân khi rừng núi lập đông. **Ta khóc lẻ loi, cười một mình. Thu hình ảnh nấu dưới tâm linh. Mắt chong kinh hãi đêm hư sử. Thân lỏa lồ đau cháy khổ hình.** Nguyễn Du xưa viết Kiều khiến người đời cứ tưởng nhỏ máu ra năm đầu ngón tay mà viết. Nay đọc thơ Tô Thùy Yên cứ tưởng ông đã mài đá ra mà làm mực. Thứ mực không bao giờ phai vì đã và sẽ trầm tích trong não cân, trong huyết quản của người đọc, đời này và cả đời sau.

Mà còn tuyệt vời hơn nữa, điều đó còn để xác nhận thơ và người thơ đã không bao giờ và sẽ không bao giờ bị thất cổ bởi lời tói xiềng gông. Bởi vì, nghĩ cho cùng, cái được gọi là trại cải tạo trong dây quần đảo ngục tù mệnh mông ở Việt Nam sau năm 75 chỉ nhằm một mục đích duy nhất là triệt hạ nhân phẩm của người tù, triệt tiêu mọi ý thức phản kháng, biến họ thành súc vật. Trại tù nằm bên bờ sông Mã ở Thanh Hóa mà tù nhân không được đi thẳng người, phải bò như con thú bốn chân là một điển hình. Nhưng dù vậy, ác tâm hèn hạ đó đã và sẽ không bao giờ thành tựu được. Chẳng những vậy, con người, sinh vật thượng đẳng vẫn mãi là con người dù có bị đòn tra ép uổng tới tận tầng cuối của địa ngục. Hơn vậy nữa, người làm thơ, kẻ chịu khổ nạn nhất trong kiếp đọa đày đó vẫn mãi mãi là sinh vật tối thượng vượt hẳn lên trên lũ cầm thú giả dạng làm người. **Ta về. Ta về-một bóng trên đường lớn. Thơ chẳng ai đề vạt áo phai ... Ta về cúi mái đầu sương diêm. Nghe nặng từ tâm lượng đất trời. Cảm ơn hoa đã vì ta nở. Thế giới vui vì mỗi lẻ loi ... Ta về như lá rơi về cội. Bếp lửa nhân quần ấm tối nay. Chút rượu hồng đây, xin rưới xuống. Giải oan cho cuộc biển dâu này.**

Ôi, tấm lòng thi sĩ, người run giùm thế nhân hơi thu run rẩy, ấm giùm thế nhân tia ấm cuối đông, người đau giùm thế nhân cơn bội bạc của thế sự mà cũng vui giùm thế nhân sự thuận thảo của đất trời. Trên dưới trong ngoài đông tây nam bắc, có chỗ nào kèm giữ được đôi cánh chim hồng hộc. Tấm lòng thi sĩ bay lượn vượt thoát khỏi trói buộc của nhân thế, nhạy như tơ trời, nhịp cùng nhịp với nhịp mùa, đập cùng đập với nhịp tim của thiên hạ. Tấm lòng đó, bao dung đến vô lượng. Hãy nghe ông xẻ chia với người quen kẻ lạ nỗi-vui-nhục-nhân khi trở lại từ địa ngục trần gian. **Ta về như hạt sương trên cỏ. Kết tụ sâu nhân thế chuyển dời. Bé bỏng cũng thì sinh, dị, diệt. Tội tình chỉ lắm nữa người ơi ... Ta về như sợi tơ trời trắng. Chấp chới trôi buồn với nắng hanh. Ai gọi ai đi ngoài quầng vắng ? Phải, ôi vàng đá nhấn quan san ? Ta về như tứ thơ xiêu tán. Trong cõi hoang đường trắng lãng quên. Nhà cũ, mừng còn nguyên mái vách. Nhện giăng, khói ám, mối xông nên ... Ta về như tiếng kêu**

đồng vọng. Rau mác lên bờ đã trở bông. Cho dẫu ngàn năm em vẫn đứng. Chờ anh như biển vẫn chờ sông... Ta về dẫu phải đi chân đất. Khấp thế gian này để gặp em. Đau khổ riêng gì nơi gió cát. Hè nhà, bụi chuối thức thâu đêm... Ta về như hạc vàng thương nhớ. Một thuở trần gian bay lướt qua. Ta tiếc đời ta sao hữu hạn. Đành không trái hết được lòng ta.

Ta về như tứ thơ xiêu tán. Trong cõi hoang đường trắng lãng quên. Tù về mà thơ phiêu hốt như hạc nội mây ngàn. Nghĩ ra làm sao không khoái trá.

Đành không trái hết được lòng ta ? Ờ, làm sao nói cạn được tám lòng thi sĩ. Người đau cái đau của nạn nước, gấp bao lần cái đau của nhân gian, người buồn cái buồn của thời vận, gấp bao lần cái buồn của nhân gian. Vậy mà rồi, cuối cùng, vẫn phá chấp để tìm lại bộ mặt tích cực của đời sống, để mở lòng yêu đời yêu người dù đã quá độ đắng cay. Mặc kệ trời bày cuộc bể dâu, nhấn chìm hết mọi ước mơ, tắt lịm hết mọi dự phóng, vẫn nguyên si tác dạ của đứa con lưu lạc trở về nhà. Thương hờn oán giận rồi ra cũng chỉ là mấy nét nhăn nhúm của bộ mặt trần gian khó ưa. Mặc kệ, vẫn còn đó, nụ hoa nở trái mùa, trái chín muộn trên cây ... Cũng chẳng biết triết lý nào đạo nghĩa nào đã nuôi hồn thi sĩ. Mà cũng chẳng cần biết. Vậy chớ lẽ đời tính vậy chẳng là ... phải phải lắm sao ! Giáo điều chi cho mệt. Đọc xong tôi cũng hả dạ lây. Ôi tâm hồn thi sĩ ấy !

Bởi vậy mà đọc lại thơ ông khi lòng đã lạnh mọi hương nguyên, chuyện đời đã trơn tuột ngoài vòng tay mà sao vẫn thấy xao xuyến như có gì muốn cà kê, muốn lải nhải, muốn trần tình, muốn kể lể ... muốn ... muốn ... muốn ...

Vậy thì nhìn vào những khung giấy bỏ trống bên dưới, có thấy không, chữ nối chữ, lời tiếp lời, đầy ắp ... những điều không nói được, vừa thảng thốt mà lại vừa thống khoái trong lòng khi đọc thơ ông. Thơ Tô Thùy Yên không có tính từ để ép uổng. Nói này nói nọ thật ra chỉ là cưỡng cầu. Hãy đọc thôi. Đọc bằng tám lòng xích tử, khi ngôn ngữ chưa thành lời ...

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Những khung giấy trắng phẳng phiu này, mặt giấy mênh mông đó có phải là cách nói đúng nhất về những gì cần nói về thơ Tô Thùy Yên.

Hay là chỉ nên đọc. Đọc. Đọc. Đọc. ... Đọc thắm hay ngâm nga. Đọc như đang đàn tuyên cáo hay đọc khi bùng đầu điện bích. Rồi ngưng bật. Và ... im tiếng. Làm thinh.

Thơ ông đã nói đủ, nói hết mọi điều cần nói.

Thiên hà ngôn tai.

Cao vi. Khanh

tháng tư 2019

TTY-Tôi chậm điều thuốc nữa
Đốt tàn thêm tháng năm

(*) Gémir, pleurer, prier est également lâche.

Fais énergiquement ta longue et lourde tâche

Dans la voie où le Sort a voulu t'appeler,

Puis après, comme moi, souffre et meurs sans parler-Alfred de Vigny, La mort du loup

(**) Mộng Liên Đường chủ nhân

- nét chữ đậm : chữ và thơ Tô Thùy Yên

21-5-2019/ Từ. Tạ

Chợt tin người đã thiên thu

Dừng không trời bỗng sa mù trong tôi

Ồi Trời !

Ồi Đất !

Ồi Người !

Sao đi để chữ mờ côi, từ rày.